

BÀI 29

QUAN ÂM THỊ KÍNH

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của sân khấu chèo truyền thống.
- Tóm tắt được nội dung vở chèo *Quan Âm Thị Kính*, nắm được nội dung, ý nghĩa và một số đặc điểm nghệ thuật (mâu thuẫn kịch, ngôn ngữ, hành động nhân vật,...) của trích đoạn *Nỗi oan hại chồng*.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Về khái niệm "chèo"

Chèo là loại kịch hát, múa dân gian, kể chuyện, diễn tích bằng hình thức sân khấu và thường được diễn ở sân đình nên còn được gọi là chèo sân đình. Chèo này sinh và được phổ biến rất rộng rãi ở Bắc Bộ.

Những đặc trưng cơ bản của chèo thể hiện ở mấy điểm sau :

– Chèo thuộc loại sân khấu kể chuyện để khuyến giáo đạo đức. Tích truyện của chèo thường được khai thác từ truyện cổ tích và truyện Nôm, xoay quanh trục bĩ cực (đau khổ, oan trái), thái lai (tốt đẹp, yên vui). Tích truyện đó có tính giáo huấn theo quan niệm "ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác" ; "Trai thời trung hiếu làm đầu, Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình".

– Sân khấu chèo cảm thông sâu sắc với số phận bi kịch của người lao động, người phụ nữ ; đề cao phẩm chất, tài năng của họ và đả kích, châm biếm mạnh mẽ những xấu xa, bất công trong xã hội phong kiến thời xưa.

– Chèo thuộc loại sân khấu tổng hợp các yếu tố nghệ thuật. Sân khấu chèo khai thác triệt để các bộ phận của văn hóa dân tộc. Kịch bản chèo, như đã nói, là các tích truyện cổ tích và truyện Nôm. Các làn điệu chèo khai thác, phát triển từ các làn điệu dân ca. Múa chèo có gốc từ múa dân gian. Hề chèo được khai thác từ rừng cười dân gian. Trên cơ sở các thành phần nghệ thuật từ các lĩnh vực văn hóa dân gian, chèo đã tổng hợp lại để xây dựng cho mình một diện mạo nghệ thuật tổng hợp độc đáo – múa, hát để diễn tích.

– Chèo thuộc loại sân khấu ước lệ và cách điệu cao. Điều này thể hiện rõ nhất ở nghệ thuật hóa trang, nghệ thuật hát và múa. Mọi loại nhân vật trong chèo đều có hình thức hóa trang, một khuôn diễn ước lệ, cách điệu thể hiện trong ngôn ngữ, các làn điệu, các loại động tác chuyển động (SGK đã nêu một số dẫn chứng).

– Chèo thuộc loại sân khấu có sự kết hợp chặt chẽ cái bi và cái hài. Mặc dù, cũng giống truyện cổ tích và truyện Nôm, hầu hết các vở chèo đều kết thúc có hậu, cái bi vẫn thể hiện rất rõ. Vở chèo nào cũng có hình ảnh cuộc đời đau thương ; người nông dân bị áp bức chà đạp cùng cực, đặc biệt là người phụ nữ. Cái bi trong chèo được tô đậm bởi cuộc đời, số phận của các nhân vật và bởi cả những làn điệu mang âm hưởng buồn, như *sử rầu, ba vắn, nói thảm*,... Nhưng chèo không phải chỉ có cái bi. Sân khấu chèo còn là nơi vang lên mạnh mẽ, đặc sắc tiếng cười của cái hài. Cái hài trong chèo thể hiện tập trung ở những vai hề. Hề chèo đả kích thần thánh, chế giễu vua quan, vạch mặt các hạng thày đại diện cho lễ giáo phong kiến, góp phần tạo nên tính chiến đấu, màu sắc lạc quan của những vở diễn.

2. Về vị trí của trích đoạn *Nỗi oan hại chồng* trong vở chèo *Quan Âm Thị Kính*.

Trích đoạn *Nỗi oan hại chồng* thuộc Phần I của vở chèo. Trước trích đoạn này là lớp *Vu quy*. Thị Kính kết duyên cùng Thiện Sĩ và về nhà chồng. Lớp *Vu quy*, về dung lượng, tuy chiếm gần nửa Phần I nhưng không chứa đựng mâu thuẫn kịch tính. Chủ yếu nó đóng vai trò dẫn chuyện. Những mâu thuẫn kịch tính của

Phần I được tập trung thể hiện ở đoạn *Nỗi oan hại chồng*. Đó là mâu thuẫn giai cấp thông qua xung đột gia đình, hôn nhân mà nạn nhân trực tiếp của những mâu thuẫn là người phụ nữ. Qua đoạn này, ta cũng thấy được những điểm nổi bật của hình tượng trung tâm thể hiện phẩm chất tốt đẹp và những oan khổ không phương giải quyết, cùng những dấu vết quan niệm của triết lí đạo Phật.

Nỗi oan hại chồng là một trong hai cái nút chính của vở chèo. Thân phận, địa vị người phụ nữ trong quan hệ gia đình và hôn nhân phong kiến bộc lộ ở đây. Phần tiếp theo, Phần II của vở chèo (với nút kịch trung tâm : Thị Kính mang thêm án tư thông, phá giới) sẽ miêu tả thân phận và địa vị của người phụ nữ trong quan hệ xã hội phong kiến.

Không nên và không thể kết luận rằng : nỗi oan thứ hai, cái án thứ hai lớn hơn, to hơn nỗi oan thứ nhất, cái án thứ nhất. Hai nỗi oan, hai cái án biểu hiện hai mảnh đời khác nhau nhưng liên hệ chặt chẽ với nhau. Nỗi oan nào, cái án nào cũng lớn và đau đớn. Hai cảnh ngộ cùng éo le, nhưng mỗi cảnh ngộ lại có một vẻ riêng biệt. Thị Kính và Tiểu Kính Tâm là hai thân của một phận khổ đau. Hai cái án đan kết lại, hoàn chỉnh tấn bi kịch về cuộc đời người phụ nữ ngày xưa.

Ở trích đoạn này, ta cũng bắt gặp những vai mẫu và một số làn điệu tiêu biểu của vở chèo *Quan Âm Thị Kính* nói riêng và của sân khấu chèo nói chung (vai *nữ chính, mụ ác, làn điệu sứ râu, nói sứ, hát ba than, nói thảm, nói lệch, hát sấp chọt*).

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài

– Chèo là một trong những loại hình sân khấu dân gian, được phổ biến rất rộng rãi ở Bắc Bộ. Sân khấu chèo cũng được người dân các vùng khác trên Tổ quốc thống nhất của chúng ta yêu thích. Bạn bè các nước trên thế giới cũng đã nhiều lần khẳng định và ca ngợi sự độc đáo của sân khấu chèo Việt Nam.

– Trong kịch mục sân khấu chèo, *Quan Âm Thị Kính* là vở diễn rất nổi tiếng. Vở diễn này tiêu biểu cho sân khấu chèo về nhiều phương diện : tích truyện, kịch tính, nhân vật, làn điệu,... Bài 29 với tiết học vở chèo *Quan Âm Thị Kính* sẽ giúp HS hiểu sơ lược một số đặc điểm của sân khấu chèo truyền thống, nắm được tóm tắt nội dung vở chèo, và nội dung, ý nghĩa cũng như một số đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của trích đoạn *Nỗi oan hại chồng*.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

- Các thiết bị, tài liệu cần thiết cho các hoạt động.
- Băng ghi hình vở chèo *Quan Âm Thị Kính*, GV tổ chức cho HS xem băng ghi hình này trong tiết ngoại khoá. Riêng trích đoạn *Nỗi oan hại chồng*, GV có thể cho HS xem ngay trong tiết học.

Hoạt động 1. GV yêu cầu một HS tóm tắt nội dung vở chèo *Quan Âm Thị Kính*.

Hoạt động 2.

- GV có thể cho HS xem băng hình trích đoạn *Nỗi oan hại chồng*.
- GV hướng dẫn HS tìm hiểu sơ lược khái niệm chèo. Cần lưu ý mấy điểm sau đây trong khái niệm :
 - + Chèo là loại kịch hát, múa dân gian, kể chuyện diễn tích bằng hình thức sân khấu. Sân khấu chèo có tính tổng hợp. Đây là *kịch hát, múa*.
 - + Chèo thuộc loại sân khấu kể chuyện để *khuyến giáo đạo đức*. Chèo chú ý giới thiệu những mẫu mực về đạo đức để mọi người noi theo. Sân khấu chèo cũng châm biếm, đả kích mạnh mẽ những điều bất công, xấu xa trong xã hội phong kiến đương thời.
 - + Chèo có một số loại nhân vật truyền thống với những đặc trưng tính cách riêng (xem phần Chú thích, trang 118, SGK).
 - + Sân khấu chèo có tính ước lệ và cách điệu cao. Điều này thể hiện rõ nhất ở nghệ thuật hoá trang, nghệ thuật hát và múa.
- Những chú thích khác trong SGK, GV yêu cầu HS tự tìm hiểu ở nhà.

Hoạt động 3. Hướng dẫn HS trả lời và thảo luận các câu hỏi còn lại trong phần Đọc – hiểu văn bản, trang 120, SGK.

Câu hỏi 3

- Trích đoạn *Nỗi oan hại chồng* có năm nhân vật : Thiện Sĩ, Thị Kính, Sùng ông, Sùng bà, Māng ông.
- Tất cả các nhân vật đều tham gia vào quá trình tạo nên xung đột kịch. Nhưng có hai nhân vật chính thể hiện xung đột cơ bản của vở chèo này là Sùng bà và Thị Kính. Sùng bà thuộc loại nhân vật *mụ ác*, Thị Kính thuộc loại nhân vật *nữ chính* trong chèo. Sùng bà đại diện cho tầng lớp địa chủ phong kiến ; Thị Kính đại diện cho người phụ nữ lao động, người dân thường.

Câu hỏi 4

– Khung cảnh ở phần đầu trích đoạn là cảnh sinh hoạt gia đình ấm cúng, tuy không phổ biến và gần gũi với nhân dân như cảnh "thiép nón, chàngtoi", "chồng cày, vợ cấy" nhưng cũng là ước mơ về hạnh phúc gia đình của nhân dân.

– Trong khung cảnh ấy, nổi bật lên hình ảnh người vợ thương chồng. Những cử chỉ của Thị Kính đối với chồng rất ân cần, dịu dàng : khi chồng ngủ, dọn lại kỉ rồi quạt cho chồng ; thấy râu mọc ngược dưới cằm chồng thì bắn khoan lo lắng về sự dị hình chằng lành. Những cử chỉ ấy cùng ngôn ngữ độc thoại thể hiện qua lòn điệu nói sứ tô đậm cho cảnh gia đình ấm cúng và hình ảnh người vợ thương chồng, vì chồng. Tình cảm của Thị Kính đối với chồng rất chân thật, tự nhiên.

Câu hỏi 5

GV hướng dẫn HS thảo luận ở lớp. Câu hỏi này có nhiều cách trả lời.
Chẳng hạn :

– Liệt kê hành động và ngôn ngữ của Sùng bà đối với Thị Kính, sau đó nhận xét.

– Liệt kê và nhận xét về hành động, về ngôn ngữ của Sùng bà đối với Thị Kính.

Khi hướng dẫn HS cần chú ý mấy điểm sau :

– Hành động của Sùng bà rất tàn nhẫn, thô bạo : dúi đầu Thị Kính xuống, bắt Thị Kính ngửa mặt lên, không cho Thị Kính phân bua, dúi tay đẩy Thị Kính ngã khuya xuống,...

– Ngôn ngữ của Sùng bà đối với Thị Kính toàn là những lời đay nghiến, mắng nhiếc, xỉ vả. Dường như mỗi lần mụ cất lời, Thị Kính lại thêm một tội. Mụ trút cho Thị Kính đủ tội, không cần hỏi rõ sự tình, không cần biết phải trái. Mụ đuổi Thị Kính vì lí do khác hơn là vì cho rằng Thị Kính giết chồng. Lời lẽ của mụ chủ yếu dồn vào điều này :

– Giống nhà bà đây giống

phương giống công

– Nhà bà đây cao mòn lệnh tộc

– Trứng rồng lại nở ra rồng

– Tuồng bay mèo mả gà đồng

– Mày là con nhà cua ốc

– Liu điu lại nở ra dòng liu điu

– Đồng nát thì về Cầu Nôm...

Lời lẽ của mụ rặt sự phân biệt đối xử. Vốn từ ngữ để phân biệt chuyện "thấp – cao" của mụ thật phong phú. Trong lời lẽ của mụ, quan hệ giữa mụ và Thị Kính đã vượt ra khỏi quan hệ mẹ chồng – nàng dâu. Quan hệ ấy được mụ đặt đúng, trả đúng vào vị trí của nó : quan hệ giai cấp. Lời lẽ của mụ qua các làn điệu hát sấp, nói lệch, múa hát sấp chót càng bộc lộ rõ thái độ trấn áp tàn nhẫn, phũ phàng, giọng "kiêu kì" dòng giống khinh thị người nghèo khó. Thị Kính, tuy có đủ đức hạnh như lễ giáo phong kiến quy định, nhưng vẫn không được gia đình chồng chấp nhận bởi vì, nói đúng hơn, chỉ vì người phụ nữ này không có nguồn gốc "con nhà". Mâu thuẫn giai cấp bám rẽ vào trong vấn đề hôn nhân phong kiến thật sâu sắc.

Sùng bà chỉ ra trò trong một lớp, nhưng rất tiêu biểu cho một loạt vai trong chèo cổ : vai mụ ác (tính cách của loại vai này là hơm của, khoe dòng giống, cả vú lấp miệng em,...). Sùng bà lấy mình làm chuẩn để tỏ rõ phép nhả. Mụ là kẻ tạo ra "luật" và "lệ" trong gia đình.

Câu hỏi 6

– Năm lần Thị Kính kêu oan. Trong năm lần ấy thì bốn lần tiếng kêu oan hướng về mẹ chồng và chồng.

Lần thứ nhất kêu oan với mẹ chồng :

"Giời ơi ! Mẹ ơi, oan cho con lắm, mẹ ơi !"

Lần thứ hai, vẫn với mẹ chồng :

"Oan cho con lắm mẹ ơi !"

Lần thứ ba, kêu oan với chồng :

"Oan thiếp lắm chàng ơi !"

Lần thứ tư, một lần nữa, lại kêu oan, van xin mẹ chồng :

"Mẹ xét tình cho con, oan con lắm mẹ ơi !"

Thị Kính kêu oan với chồng nhưng vô ích. Thiện Sĩ đón hèn và nhu nhược. Thiện Sĩ hoàn toàn bỏ mặc người vợ đã từng thương yêu, chăm chút, gắn bó với mình cho mẹ hành hạ. Lúc này, Thiện Sĩ chỉ là một nhân vật thừa trên sân khấu.

Lời van xin của Thị Kính đối với Sùng bà chỉ là thứ lửa đổ thêm dầu, càng làm bùng lên những lời đay nghiến vô lí, tàn nhẫn. Thị Kính càng kêu oan, nỗi oan càng dày. Giữa gia đình chồng thì người phụ nữ đức hạnh ấy hoàn toàn cô độc.

Chỉ đến lần cuối cùng, lần thứ năm, kêu oan với cha (Māng ông), Thị Kính mới nhận được một sự cảm thông. Nhưng đó là sự cảm thông đau khổ và bất lực.

Māng օնց :

Con օի ! Dù oan dù nhẫn chǎng oan

Xa xôi cha biết nỗi con nhường nào !

– Kết cục của nỗi oan là mối tình vợ chồng Thị Kính – Thiện Sĩ tan vỡ ! Thị Kính bị đuổi ra khỏi nhà chồng.

Câu hỏi 7

– Trước khi đuổi Thị Kính, Sùng bà và Sùng ông còn dựng lên một vở kịch tàn ác : lừa Māng օնց sang ăn cữ cháu, kì thực là bắt Māng օնց sang nhận con vê. Chúng có thú vui làm điều ác, làm cho cha con Māng օնց phải nhục nhã ê chề. Hơn thế nữa, nhanh như trở bàn tay, Sùng ông đã thay đổi quan hệ thông gia bằng những hành động vū phu :

Māng օնց :

Ông օի ! Ông cho tôi biết đâu đuổi câu chuyện với, ông օի !

Sùng օնց :

Biết này !

(*Sùng օնց dúi ngã Māng օնց rồi bỏ vào. Thị Kính chạy vội lại đỡ cha. Hai cha con ôm nhau than khóc.*)

– Đây là chỗ xung đột kịch tập trung cao nhất. Thị Kính như bị đẩy vào chỗ cực điểm của nỗi đau : nỗi đau oan ức, nỗi đau tình chồng vợ tan vỡ, và giờ lại thêm nỗi đau trước cảnh cha già thân yêu, người mà bấy lâu Thị Kính mong được báo đền công dưỡng dục, bị chính cha chồng khinh khi, hành hạ.

Trên sân khấu chỉ còn lại hai cha con Thị Kính lẻ loi. Hình ảnh hai cha con ôm nhau than khóc là hình ảnh của những người chịu oan, đau khổ mà hoàn toàn bất lực. Cảnh Sùng bà quy kết, đổ vạ cho Thị Kính diễn ra chóng vánh, dồn dập. Còn cảnh hai cha con Thị Kính ôm nhau than khóc thì kéo dài trên sân khấu. Sự bố trí xô đẩy, dồn dập và kéo dài những tình tiết kịch của sân khấu dân gian ở đây mang đầy ý nghĩa.

Câu hỏi 8

Những cử chỉ của Thị Kính trước khi ra khỏi nhà Thiện Sĩ :

(*Thị Kính dẫn cha đi một quãng. Māng օնց quay lại) Về cùng cha, con օի !*
(Thị Kính đi theo cha mấy bước nữa, rồi dừng lại và thở than, quay vào nhìn từ

cái kỉ đến sách, thúng khâu, rồi cầm lấy chiếc áo đang khâu dở, bóp chặt trong tay.)

– Chiếc kỉ, thúng khâu, chiếc áo đang khâu dở là bằng chứng của tình cảm thuỷ chung, hiền dịu của người vợ. Nhưng tất cả đã bị sử dụng, bị coi như là dấu vết của sự thất tiết. Một sự đảo lộn đột ngột, ghê gớm.

– Điện sứ rầu, nói thảm của Thị Kính là những độc bạch đau đớn trước bước ngoặt cuộc đời :

*Thương ôi ! Bấy lâu sắt cầm tịnh hảo
Bỗng ai làm chấn gối lẻ loi.*

"Bấy lâu" và "bỗng", "sắt cầm tịnh hảo" và "chấn gối lẻ loi". Một bên là thời gian dài lâu của kỉ niệm hạnh phúc, bên kia là khoảnh khắc chớp nhoáng của sự tan vỡ, một bên là hình ảnh của tình vợ chồng hoà hợp, bên kia là hình ảnh chia lìa.

*Trách lòng ai nỡ phụ lòng
Đang tay nỡ bẻ phím đồng làm đôi.*

Lời độc bạch của nhân vật gợi lên rất rõ hình ảnh một con người đang bơ vơ trước cái vô định của cuộc đời, đang "đối cảnh" trước những hối ức, những nỗi đau và đang đứng trước một cuộc lựa chọn giằng xé : về đâu ? Đời người phụ nữ thời phong kiến "Lệnh đênh chiếc bách giữa dòng".

– Cảnh cuối cùng của trích đoạn *Nỗi oan hại chồng* là cảnh Thị Kính lạy cha lạy mẹ, rồi chít áo cài khuy, giả trai bước vào cửa Phật. Trong sự đau khổ, bất lực, con đường giải thoát của Thị Kính có hai mặt. Một tích cực là ước muốn được sống ở đời để tỏ rõ con người doan chính. Một tiêu cực thì cho rằng mình khổ vì do số kiếp, do "phận hẩm duyên ôi", tìm vào cửa Phật để tu tâm. Thị Kính thiếu cái khoẻ khoắn, lạc quan của những người vợ "tâm cảm" trong ca dao, thiếu cái bản lĩnh dũng cảm của Thị Phương trong chèo *Trương Viên*, không có nghị lực cứng cỏi đứng lên hành động chống lại những oan trái bất công. Người phụ nữ này chưa đủ sức, chưa đủ bản lĩnh vượt lên trên hoàn cảnh, trái lại đã khuất phục hoàn cảnh, cam chịu hoàn cảnh bằng sự chịu đựng nhẫn nhục. Hành động đấu tranh của Thị Kính mới chỉ dừng lại ở những lời trách móc số phận và mới chỉ dừng lại ở ước muối "nhật nguyệt sáng soi" – một ước muối thụ động.

Hoạt động 4. GV hướng dẫn HS luyện tập.

Bài tập 1, trang 121, SGK

GV yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn trích đoạn đã học. Yêu cầu của phần tóm tắt là :

- Nêu được những chi tiết chính, theo đúng trình tự.
- Diễn đạt gọn, rõ.

Bài tập 2, trang 121, SGK

– Trích đoạn *Nỗi oan hại chồng* thể hiện những phẩm chất tốt đẹp cùng nỗi oan bi thảm, bế tắc của người phụ nữ và những đối lập giai cấp thông qua xung đột gia đình, hôn nhân trong xã hội phong kiến.

- Thành ngữ "Oan Thị Kính" dùng để nói về những nỗi oan ức quá mức, cùng cực và không thể nào giải bày được.
- Yêu cầu HS đọc phần Ghi nhớ – SGK.
- GV phân tích các ý trong phần Ghi nhớ – SGK để HS dễ nhớ, dễ thuộc.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chèo cổ* (Tuyển tập), NXB Văn hoá, Hà Nội, 1976.
2. Trần Bảng, *Chèo – phương pháp xây dựng mô hình, xử lí và chuyển hoá mô hình*, tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, số 5 – 6, 1978.
3. Trần Việt Ngữ, *Những đặc điểm của chèo cổ*, tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, số 3, 1983.
4. Hà Văn Cầu, *Hề chèo*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1976.
5. Bùi Mạnh Nhị, *Phân tích tác phẩm văn học dân gian*, Sở Giáo dục An Giang, 1988.